

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 37/2020/DS-GĐT.

Ngày: 10/9/2020.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng thi công.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí;

Ông Nguyễn Hữu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Nguyên – Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL); trụ sở: 271 đường TS, Phường 15, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Văn Nm, sinh năm 1954, là người đại diện theo pháp luật; trú tại địa chỉ: 271 đường TS, Phường 15, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT; trụ sở: 371 đường TXS, phường TK, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công Kh, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tn, sinh năm 1985

Địa chỉ: 421 Lô I Chung cư TT, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Vương Thị Hng, sinh năm 1977

Địa chỉ: 294/14 PVB, Phường O, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (sau đây gọi tắt là Công ty VL) trình bày:

Công ty VL có ký kết với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT (sau đây gọi tắt là Công ty AXT) Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 nhằm thi công đóng, nhổ cừ Larsen, thuê xe cơ giới phục vụ thi công dự án Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm. Theo quy định tại Điều 3 của hai Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và 91/HĐKT/2014 thì khi Công ty VL xuất hóa đơn VAT cho Công ty AXT, trong vòng 30 ngày Công ty AXT phải thanh toán 100% giá trị thực hiện cho Công ty VL, sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn Công ty AXT không thanh toán thì phải chịu lãi suất 1,2%/tháng/tổng dư nợ. Thực hiện hợp đồng, Công ty VL đã thực hiện việc đóng nhổ cừ và cho thuê xe đào đất theo thỏa thuận của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014, đã xuất hóa đơn VAT thanh toán theo từng đợt thanh toán, nhiều lần làm giấy đề nghị thanh toán và đối chiếu công nợ nhưng Công ty AXT cố tình chậm thanh toán. Đến ngày 08/3/2013, hai bên tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng, trong biên bản thanh lý đã ghi rõ là hợp đồng chỉ không còn giá trị kể từ ngày Công ty AXT thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty VL. Theo đó, Công ty AXT còn nợ Công ty VL của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 tính đến ngày 08/3/2016 là 4.425.179.418 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT là ngày 25/5/2015; và Công ty AXT còn nợ Công ty VL đến ngày 08/3/2016 của Hợp đồng 91/HĐKT/2014 là 280.382.497 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT vào ngày 30/10/2015.

Sau khi ký Biên bản thanh lý hai hợp đồng nêu trên, Công ty AXT cũng không thanh toán nên ngày 05/6/2016, Công ty VL đã khởi kiện yêu cầu Công ty AXT phải thanh toán tiền nợ của hai hợp đồng nêu trên với số tiền là 4.705.561.916 đồng, tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và tiền phạt 8% trên số tiền vi phạm của hợp đồng số 91 là 22.430.600 đồng do vi phạm thời hạn hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty AXT đã thanh toán cho Công ty VL được 2.580.000.000 đồng nên ngày 13/9/2018, Công ty VL có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty AXT thanh toán số tiền 3.844.557.708 đồng, trong đó nợ gốc là 1.925.561.915 đồng, tiền lãi là 1.896.565.193 đồng và tiền phạt do chậm thanh toán theo Hợp đồng 91 là 22.430.600 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT trình bày:

Thừa nhận có ký kết 02 Hợp đồng số 87 và 91 và số tiền chưa thanh toán của hai hợp đồng nêu trên như nguyên đơn trình bày. Ngày 08/3/2016, các bên đương sự cùng làm Biên bản đối chiếu công nợ, nhưng biên bản đối chiếu công nợ không thể hiện tính lãi. Ngày 23/7/2016, hai bên đã lập Biên bản làm việc và thống nhất công nợ các khoản cho cả hai hợp đồng trên là 4.505.561.916 đồng. Sau đó, Công

ty AXT đã thực hiện cam kết và đã thanh toán được số tiền 2.580.000.000 đồng. Do các bên đã thống nhất không tính lãi suất nên Công ty AXT chỉ chấp nhận trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/01/2017 theo mức lãi suất trung bình trên thị trường là 0,65%/tháng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL.

Bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại AXT phải trả tổng cộng số tiền 2.250.147.468 đồng.

Trường hợp chậm trả số tiền trên thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/11/2018, Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL có kháng cáo.

Ngày 20/11/2018, Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại AXT có kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 243/2019/KDTM-PT ngày 01/4/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL; Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT phải thanh toán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL số tiền nợ của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 tổng cộng là 3.374.861.000 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.925.561.951 đồng, tiền nợ lãi là 1.426.868.584 đồng và tiền phạt vi phạm của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 là 22.430.600 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 18/6/2019, Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT có đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 94/2020/KN-DS ngày 02/6/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ

thẩm và phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử so thẩm lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty VL và Công ty AXT cùng ký kết Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 87) và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 91) để thi công đóng nhổ cừ Larsen và cho thuê xe cơ giới nhằm thực hiện dự án cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm. Về phương thức thanh toán, tại Điều 3 của hai hợp đồng nêu trên quy định: "*Công ty VL xuất hóa đơn VAT thanh toán theo từng đợt thanh toán cho Công ty AXT thì trong vòng 30 ngày Công ty AXT phải thanh toán 100% giá trị thực hiện cho Công ty VL, nếu không phải chịu lãi suất 1,2%/tháng/tổng dư nợ, điều kiện thanh toán là trên cơ sở biên bản đối chiếu công nợ, giấy đề nghị thanh toán*". Thực hiện hợp đồng, Công ty VL đã thực hiện công việc theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, đã xuất hóa đơn VAT cho Công ty AXT. Nhưng đến ngày 08/3/2016, hai bên mới tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ và Biên bản thanh lý hợp đồng, theo đó Công ty AXT xác nhận còn nợ Công ty VL tổng số tiền 4.705.561.915 đồng, trong đó nợ Hợp đồng số 87 là 4.425.179.418 và nợ Hợp đồng số 91 là 280.382.497 đồng, các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tại Biên bản làm việc ngày 23/7/2016, hai bên cùng thống nhất xác nhận: "*Công nợ thống nhất số dư nợ tất cả các khoản đến ngày 23/7/2016 là 4.505.561.916 đồng*", ngoài ra các bên cùng thống nhất kế hoạch thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên. Sau đó, Công ty AXT đã thanh toán cho Công ty VL số tiền 2.580.000.000 đồng.

[2] Mặc dù nội dung Hợp đồng số 87 và Hợp đồng số 91 các bên đương sự có thỏa thuận về điều kiện tính lãi suất chậm trả và lãi phạt, nhưng sau khi ký kết và thực hiện hợp đồng các bên đã thống nhất lại số tiền nợ cả gốc và lãi của hai hợp đồng nêu trên vào các ngày 08/3/2016 và ngày 23/7/2016. Việc các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với điều kiện thanh toán được quy định tại Điều 3 của hợp đồng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Theo thỏa thuận này thì thời điểm Công ty AXT vi phạm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày 08/3/2016, và khoản dư nợ gốc và lãi được tính từ ngày chốt công nợ theo Biên bản làm việc lập ngày 23/7/2016 mới đúng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất chậm trả từ ngày 10/9/2016 và lãi suất trung bình tại thời điểm chậm thanh toán trên thị trường là 0,65%/tháng để buộc Công ty AXT phải trả cho Công ty VL trong trường hợp này là không chính xác.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi suất theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày các bên lập biên bản đối chiếu công nợ (08/3/2016) nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại tính thời điểm

vi phạm nghĩa vụ là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT cuối cùng của Hợp đồng số 87 (ngày 25/5/2015) và Hợp đồng số 91 (ngày 30/10/2015) cũng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ Luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 26/2020/KN-DS ngày 08/7/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 243/2019/KDTM-PT ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "*Tranh chấp hợp đồng thi công*" giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL với bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng thương mại AXT.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Tp.HCM (để b/c);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Quận X (kèm hs);
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, HS; THS (LSN).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân